

Số: **538** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **28** tháng **8** năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI KHU NHÀ Ở
CAO TẦNG TÂN KIẾNG, PHƯỜNG TÂN HƯNG, TP.HCM.**

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 51 hồ sơ) 1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 426-429, 431, 433-441, 443-459, 461-463, 465-481 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 24/7/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 51 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp:..... 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 265; Tờ bản đồ số: 19; 3.1.2. Địa chỉ tại: Dự án Khu nhà ở cao tầng Tân Kiểng, 35/12 Bê Văn Cẩm, phường Tân Kiểng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng) Thành phố Hồ Chí Minh; Vị trí thửa đất: Vị trí 1, đường Bê Văn Cẩm/trộn đường, theo bảng giá đất tại Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 3.1.3. Giá đất: - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 5.406,4 m ² - Diện tích sử dụng chung: 5.406,4 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m ²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT67828 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 51 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình;; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 24 tầng + 01 hầm + sân thượng + mái che thang; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2017; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn Đăng ký; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT67828 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp; - Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và các văn bản chuyển nhượng (nếu có) giữa chủ đầu tư và người mua. - Bản vẽ sơ đồ căn hộ. <i>Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Home và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.</i>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP ĐT Truth Home;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:426/25(51hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH 51 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI số 35/12 BỀ VẤN CÀM, PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRUTH HOME LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
Đính kèm Phiếu chuyển số:/PC-VPĐK-ĐK ngày 15/8/2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo hợp đồng mua bán	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Sổ nhà	Tháp	Tầng/Hầm	Tầng	DT thông thủy (làm tròn 1 số thập phân)	DT sàn (tính tương) (làm tròn 1 số thập phân)	Loại hình tài sản	Hình thức sử dụng
1	792747512025000426	Ông: LÝ NHẬT ĐĂNG KHOA Năm sinh: 1993; CCCD số: 089093013957	Căn TM-DV-VP T1-A05.09	Căn TM-DV-VP T1-A05.09	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	35.3	38.7	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
2	792747512025000427	Bà: NGUYỄN THỊ HẢI Năm sinh: 1965; Căn cước số: 034165003292	Căn TM-DV-VP T1-A05.10	Căn TM-DV-VP T1-A05.10	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	34.8	38.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
3	792747512025000428	Bà: VÕ THỊ THANH HIỀN Năm sinh: 1989; CCCD số: 066189007786	Căn hộ T1-A08.09	Căn hộ T1-A08.09	Tháp T1	8/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	8	56.7	61.1	Căn hộ	Sở hữu riêng
4	792747512025000429	Ông: TRẦN KIỀU ANH NHÂN Năm sinh: 1992; CCCD số: 068092005099 Bà: NGUYỄN THỊ NGÀ Năm sinh: 1992; CCCD số: 068192006468	Căn hộ T1-A20.11	Căn hộ T1-A20.11	Tháp T1	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	86.6	93.5	Căn hộ	Sở hữu chung
5	792747512025000431	Bà: NGUYỄN NHẬT HOÀNG LAN Năm sinh: 1972; CCCD số: 079172045416	Căn TMDV T1-B01.02	Căn TMDV T1-B01.02	Tháp T1	1+2/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	1+2	57.5	66.8	Căn TMDV	Sở hữu riêng
6	792747512025000433	Ông: VŨ THÀNH AN Năm sinh: 1983; CCCD số: 075083000036 Bà: HUỖNH THỊ YẾN LỸ Năm sinh: 1984; Căn cước số: 096184001752	Căn TM-DV-VP T1-B03a.01	Căn TM-DV-VP T1-B03a.01	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	4(3a)	30.7	33.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung

Handwritten signature in blue ink.

Handwritten signature in blue ink.

7	792747512025000434	Ông: DƯƠNG TÂN HÒA Năm sinh: 1961; CCCD số: 049061006877 Bà: NGUYỄN THỊ THANH CHUNG Năm sinh: 1971; CCCD số: 048171000864	Căn TM-DV-VP T1-B03a.04	Căn TM-DV-VP T1-B03a.04	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	31.0	34.0	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
8	792747512025000435	Bà: NGUYỄN THỊ LAN Năm sinh: 1957; CCCD số: 079157022477	Căn TM-DV-VP T1-B03a.07	Căn TM-DV-VP T1-B03a.07	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	31.1	34.0	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
9	792747512025000436	Bà: TRƯƠNG THỊ THANH TÂM Năm sinh: 1986; CCCD số: 079186005693	Căn TM-DV-VP T1-B03a.08	Căn TM-DV-VP T1-B03a.08	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	31.1	34.0	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
10	792747512025000437	Bà: LÊ THỊ BÍCH Năm sinh: 1993; CCCD số: 042193018514	Căn TM-DV-VP T1-B03a.10	Căn TM-DV-VP T1-B03a.10	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	40.2	44.0	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
11	792747512025000438	Ông: DƯƠNG TÂN PHỤNG Năm sinh: 1969; CCCD số: 048069000125	Căn TM-DV-VP T1-B03a.11	Căn TM-DV-VP T1-B03a.11	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	30.0	33.4	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
12	792747512025000439	Bà: TRẦN BỘI HOÀNG QUỲNH Năm sinh: 1990; CCCD số: 079190010961	Căn TM-DV-VP T1-B03a.12	Căn TM-DV-VP T1-B03a.12	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	30.9	33.6	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
13	792747512025000440	Bà: ĐẶNG THỊ LỆ VƯƠNG Năm sinh: 1992; CCCD số: 066192016150	Căn TM-DV-VP T1-B03a.13	Căn TM-DV-VP T1-B03a.13	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	31.1	33.6	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng
14	792747512025000441	Ông: HỒ VĂN BẾ Năm sinh: 1966; CCCD số: 075066000523 Bà: DƯƠNG KIM XUÂN Năm sinh: 1967; CCCD số: 075167000962	Căn TM-DV-VP T1-B03a.16	Căn TM-DV-VP T1-B03a.16	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	29.7	32.4	Căn TMDV-VP	Số hữu chung
15	792747512025000443	Ông: HỒ BẢO LONG Năm sinh: 1989; CCCD số: 083089002133	Căn TM-DV-VP T1-B03a.17	Căn TM-DV-VP T1-B03a.17	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	4(3a)	33.6	36.9	Căn TMDV-VP	Số hữu riêng

16	792747512025000444	Bà: DƯƠNG NHƯ HUỆ Năm sinh: 1991; Căn cước số: 095191009698	Căn TM-DV-VP T1-B03a.19	Căn TM-DV-VP T1-B03a.19	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	4(3a)	40.1	44.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
17	792747512025000445	Ông: TRẦN VĂN TỰ Năm sinh: 1954; CCCD số: 079054000094 Bà: ĐÀO KIM HUỆ Năm sinh: 1955; CCCD số: 080155000197	Căn TM-DV-VP T1-B03a.20	Căn TM-DV-VP T1-B03a.20	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	4(3a)	40.8	44.7	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
18	792747512025000446	Ông: TRẦN VĂN TỰ Năm sinh: 1954; CCCD số: 079054000094 Bà: ĐÀO KIM HUỆ Năm sinh: 1955; CCCD số: 080155000197	Căn TM-DV-VP T1-B03a.21	Căn TM-DV-VP T1-B03a.21	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	4(3a)	38.8	42.1	Căn TMDV-VP	Sở hữu chung
19	792747512025000447	Bà: TRẦN HẠNH NAM Năm sinh: 1990; CCCD số: 079190021634	Căn TM-DV-VP T1-A03a.23	Căn TM-DV-VP T1-A03a.23	Tháp T1	4(3a)/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	4(3a)	31.1	34.4	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
20	792747512025000448	Bà: TRẦN HẠNH NAM Năm sinh: 1990; CCCD số: 079190021634	Căn TM-DV-VP T1-B05.01	Căn TM-DV-VP T1-B05.01	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	29.6	32	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
21	792747512025000449	Ông: PHAN MINH THÁI Năm sinh: 1996; CCCD số: 084096001099	Căn TM-DV-VP T1-B05.03	Căn TM-DV-VP T1-B05.03	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	30.1	33.2	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
22	792747512025000450	Bà: PHẠM NGUYỄN BẢO TRÂM Năm sinh: 1988; CCCD số: 066188000343	Căn TM-DV-VP T1-B05.05	Căn TM-DV-VP T1-B05.05	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	27.5	30.4	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
23	792747512025000451	Bà: PHẠM THỊ XUYỀN Năm sinh: 1993; CCCD số: 058193001918	Căn TM-DV-VP T1-B05.08	Căn TM-DV-VP T1-B05.08	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	29.1	32	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng
24	792747512025000452	Ông: ĐỖ SƠN HẢI Năm sinh: 1992; CCCD số: 001092028783	Căn TM-DV-VP T1-B05.09	Căn TM-DV-VP T1-B05.09	Tháp T1	5/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	5	29.3	32	Căn TMDV-VP	Sở hữu riêng

4/4

4/4

25	792747512025000453	Bà: ĐẶNG THỊ VÂN Năm sinh: 1958; CCCD số: 02415800030	Cán TM-DV-VP T1-B05.10	Cán TM-DV-VP T1-B05.10	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	29.4	32	Cán TMDV-VP	Số hữu riêng
26	792747512025000454	Bà: PHAN THỊ NGỌC LINH Năm sinh: 1958; CCCD số: 060158000898	Cán TM-DV-VP T1-B05.12	Cán TM-DV-VP T1-B05.12	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	29.3	32.1	Cán TMDV-VP	Số hữu riêng
27	792747512025000455	Bà: CHÂU THỊ VÂN ANH Năm sinh: 1990; CCCD số: 054190002770	Cán TM-DV-VP T1-B05.14	Cán TM-DV-VP T1-B05.14	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	29.8	32.4	Cán TMDV-VP	Số hữu riêng
28	792747512025000456	Ông: TRẦN LƯU TỬ LONG Năm sinh: 1984; CCCD số: 079084002173 Bà: TRẦN THỊ NGỌC HÂN Năm sinh: 1990; CCCD số: 056190000089	Cán TM-DV-VP T1-B05.16	Cán TM-DV-VP T1-B05.16	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	29.9	32.8	Cán TMDV-VP	Số hữu chung
29	792747512025000457	Ông: NGUYỄN VIỆT DƯƠNG Năm sinh: 1959; CCCD số: 034059004377 Bà: BÙI THỊ LÝ Năm sinh: 1962; CCCD số: 034162012678	Cán TM-DV-VP T1-B05.18	Cán TM-DV-VP T1-B05.18	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	29.7	32.8	Cán TMDV-VP	Số hữu chung
30	792747512025000458	Ông: TRẦN MẠNH TRÍ Năm sinh: 1992; CCCD số: 075092018956 Bà: NGÔ THẢO NGUYỄN Năm sinh: 1993; CCCD số: 091193006976	Cán TM-DV-VP T1-B05.19	Cán TM-DV-VP T1-B05.19	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	30.5	33.5	Cán TMDV-VP	Số hữu chung
31	792747512025000459	Ông: ĐÀO TÂN ANH Năm sinh: 1995; CCCD số: 036095019108 Bà: NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH Năm sinh: 1996; CCCD số: 079196005942	Cán TM-DV-VP T1-B05.20	Cán TM-DV-VP T1-B05.20	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	39.6	43.6	Cán TMDV-VP	Số hữu chung
32	792747512025000461	Bà: DIỆP TIÊU MY Năm sinh: 1985; Căn cước số: 066185014030	Cán TM-DV-VP T1-B05.22	Cán TM-DV-VP T1-B05.22	Tháp T1	5/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	5	28.2	31.2	Cán TMDV-VP	Số hữu riêng
33	792747512025000462	Bà: NGÔ THỊ NGỌC TÚ Năm sinh: 1988; CCCD số: 066188017924	Cán TM-DV-VP T1-B06.02	Cán TM-DV-VP T1-B06.02	Tháp T1	6/24 Tầng + hòm + sân thượng + mái ché thang	6	35.8	39.7	Cán TMDV-VP	Số hữu riêng

34	792747512025000463	Ông: HÀ HOÀN VŨ Năm sinh: 1974; CCCD số: 079074024705 Bà: MAI THỊ THU VẤN Năm sinh: 1975; Căn cước số: 080175010225	Cán TM-DV-VP T1-B06.03	Cán TM-DV-VP T1-B06.03	Tháp T1	6/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	6	29.3	32.8	Cán TMDV-VP	Sở hữu chung
35	792747512025000465	Bà: NGUYỄN TRƯỜNG HOÀNG TUYẾT NHI Năm sinh: 1992; CCCD số: 079192016735	Cán TM-DV-VP T1-B06.06	Cán TM-DV-VP T1-B06.06	Tháp T1	6/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	6	28.8	31.7	Cán TMDV-VP	Sở hữu riêng
36	792747512025000466	Ông: PHAN MINH TRÍ Năm sinh: 1996; CCCD số: 079096038855	Cán TM-DV-VP T1-B06.07	Cán TM-DV-VP T1-B06.07	Tháp T1	6/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	6	34	37.3	Cán TMDV-VP	Sở hữu riêng
37	792747512025000467	Ông: NGUYỄN HUY HÙNG Năm sinh: 1979; CCCD số: 051079009665 Bà: PHẠM THỊ HỒNG THỦY Năm sinh: 1978; CCCD số: 051179005901	Cán TM-DV-VP T1-B06.08	Cán TM-DV-VP T1-B06.08	Tháp T1	6/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	6	30.5	34.1	Cán TMDV-VP	Sở hữu chung
38	792747512025000468	Ông: NGUYỄN TRÍ DŨNG Năm sinh: 1976; CCCD số: 086076015709 Bà: BUI THỊ KIỀU MAI Năm sinh: 1979; CCCD số: 079179029456	Cán hộ T1-B12.02	Cán hộ T1-B12.02	Tháp T1	12/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12	63.3	68	Cán hộ	Sở hữu chung
39	792747512025000469	Ông: HÀ ANH HIẾU Năm sinh: 1991; CCCD số: 068091007122 Bà: HỖ CÚN LÂN Năm sinh: 1991; CCCD số: 068191014032	Cán hộ T1-B12a.11	Cán hộ T1-B12a.11	Tháp T1	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	81.3	87.7	Cán hộ	Sở hữu chung
40	792747512025000470	Ông: VÕ MINH CHUÔNG Năm sinh: 1987; CCCD số: 089087003482 Bà: NGUYỄN THU HÀNG Năm sinh: 1987; Căn cước số: 066187000562	Cán hộ T1-B12a.04	Cán hộ T1-B12a.04	Tháp T1	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	63.4	68	Cán hộ	Sở hữu chung
41	792747512025000471	Ông: TRẦN VĂN TỰ Năm sinh: 1954; CCCD số: 079054000094 Bà: ĐÀO KIM HUỆ Năm sinh: 1955; CCCD số: 080155000197	Cán hộ T1-B12a.05	Cán hộ T1-B12a.05	Tháp T1	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	63.4	68	Cán hộ	Sở hữu chung
42	792747512025000472	Ông: LÊ VĂN KHOA Năm sinh: 1991; CCCD số: 038091026541 Bà: NGUYỄN THỊ SƯƠNG Năm sinh: 1993; CCCD số: 040193022253	Cán hộ T1-B12a.09	Cán hộ T1-B12a.09	Tháp T1	12a/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12a	63.5	68	Cán hộ	Sở hữu chung

44

44

43	792747512025000473	Bà: LÊ THIÊN NHÃ Năm sinh: 1983; CCCD số: 075183000433	Căn hộ T1- B15.10	Căn hộ T1-B15.10	Tháp T1	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	15	77.7	84.2	Căn hộ	Số hữu riêng
44	792747512025000474	Bà: PHẠM THỊ KIM OANH Năm sinh: 1975; CCCD số: 079175011269	Căn hộ T1- B15.12	Căn hộ T1-B15.12	Tháp T1	15/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	15	58.5	62.9	Căn hộ	Số hữu riêng
45	792747512025000475	Bà: HỒ MẠI HUƠNG Năm sinh: 1994; CCCD số: 096194007640	Căn hộ T1- B16.04	Căn hộ T1-B16.04	Tháp T1	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	16	63.4	68.0	Căn hộ	Số hữu riêng
46	792747512025000476	Ông: PHAN VŨ MINH TRƯỜNG Năm sinh: 1990; CCCD số: 079090032728	Căn hộ T1- B16.13	Căn hộ T1-B16.13	Tháp T1	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	16	56.0	61.1	Căn hộ	Số hữu riêng
47	792747512025000477	Bà: NGUYỄN THỊ THANH THẢO Năm sinh: 1989; CCCD số: 080189000704	Căn hộ T1- B17.05	Căn hộ T1-B17.05	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	17	63.4	68.0	Căn hộ	Số hữu riêng
48	792747512025000478	Bà: TRẦN THỊ HỒNG GÁM Năm sinh: 1987; CCCD số: 077187000726	Căn hộ T1- B17.13	Căn hộ T1-B17.13	Tháp T1	17/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	17	56.0	61.1	Căn hộ	Số hữu riêng
49	792747512025000479	Ông: LƯƠNG SƠN BÌNH Năm sinh: 1985; CCCD số: 095085006199	Căn hộ T1- B18.12	Căn hộ T1-B18.12	Tháp T1	18/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	18	58.5	62.9	Căn hộ	Số hữu riêng
50	792747512025000480	Ông: LÂM CHÍ TRUNG Năm sinh: 1989; CCCD số: 079089027756	Căn hộ T1- B19.05	Căn hộ T1-B19.05	Tháp T1	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	19	63.4	68.0	Căn hộ	Số hữu riêng
51	792747512025000481	Bà: ĐOÀN THỊ THANH THỦY Năm sinh: 1970; CCCD số: 034170008019	Căn hộ T1- B20.10	Căn hộ T1-B20.10	Tháp T1	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái ché thang	20	77.7	84.2	Căn hộ	Số hữu riêng



